

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN DA LIỄU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 9 năm 2026

Số: 731/TB-BVDL

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư 120/2025/BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 24/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Da liễu tỉnh Đồng Nai trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 24/2026/QĐ-CTUBND ngày 25/6/2026 của Ủy ban nhân dân về việc phân cấp thẩm quyền, quản lý, xử lý và khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-BVDL ngày 22/6/2026 của Bệnh viện Da liễu Đồng Nai về việc thanh lý tài sản và công cụ dụng cụ hư hỏng, không còn sử dụng được của Bệnh viện Da liễu thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 434/QĐ-SYT ngày 22/7/2026 về việc thanh lý tài sản công là máy móc, thiết bị chuyên dùng hết hạn sử dụng, bị hư hỏng không thể sửa chữa được của Bệnh viện Da liễu thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 184/QĐ-STC ngày 31/7/2026 về việc thanh lý xe ô tô cứu thương và phương tiện vận tải của Bệnh viện Da liễu thành phố đơn vị trực thuộc Sở Y tế thành phố quản lý, sử dụng;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-BVĐL ngày 29/9/2026 của Bệnh viện Da liễu thành phố Đồng Nai về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá tài sản thanh lý;

Căn cứ Chứng thư số Số: 009/2026/081302 ngày 13/8/2026 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đồng Nai.

Bệnh viện Da liễu thành phố Đồng Nai thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản như sau:

1. Người có tài sản đấu giá: Bệnh viện Da liễu thành phố Đồng Nai.

Địa chỉ: Khu phố 2, Phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai.

2. Tài sản đấu giá, giá khởi điểm:

Thanh lý tài sản công là máy móc, thiết bị chuyên dùng, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, xe ô tô cứu thương và phương tiện vận tải hết hạn sử dụng, hư hỏng, không còn sử dụng được của Bệnh viện Da liễu thành phố Đồng Nai.

Giá khởi điểm: **29.744.000 Đồng** (Bằng chữ: Hai mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng chẵn).

- Giá khởi điểm không bao gồm thuế giá trị gia tăng và các loại thuế, phí khác liên quan đến tài sản thanh lý. Người trúng đấu giá tự bốc xếp, vận chuyển tài sản ra khỏi kho bãi, dọn dẹp và hoàn trả lại mặt bằng cho đơn vị có tài sản và chịu các chi phí liên quan (nếu có).

- Tài sản bán nguyên lô, giao tại kho của Bệnh viện Da liễu thành phố Đồng Nai.

3. Lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Theo Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	15,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: $Số\ điểm\ của\ B = (U \times 3) / Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên	

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	<i>thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh Đồng Nai, không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0
2	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với Bệnh viện Da liễu Đồng Nai và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3	Hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trình bày khoa học, thuyết minh rõ ràng, dễ hiểu, thuận tiện cho việc đánh giá, chấm điểm	1,0
Tổng số điểm		100

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Thời gian nộp hồ sơ: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo (Trong giờ làm việc hành chính).
- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký: Bệnh viện Da liễu thành phố Đồng Nai.
- Địa chỉ: Khu phố 2, Phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại liên hệ: 02513 999 268

Bệnh viện Da liễu thành phố Đồng Nai thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản biết và nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn. Bệnh viện Da liễu thành phố Đồng Nai sẽ có thông báo đến tổ chức được lựa chọn và không hoàn trả hồ sơ đối với các tổ chức không được lựa chọn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng trang web: dgts.moj.gov.vn;
- TCKT;
- Lưu: VT- TCHC.



Nguyễn An Linh



PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông báo số 731/TB-BVDL ngày 29/9/2026 của Bệnh viện Da liễu thành phố Đồng Nai)

TT	Tên tài sản	Đvt	SL	Đơn giá	Thành tiền
A	Phương tiện xe ô tô và xe gắn máy hai bánh				26.000.000
1	Xe ô tô cứu thương hiệu Toyota, biển số: 60C- 1246	chiếc	1	15.000.000	15.000.000
2	Xe mô tô hiệu Honda Win 100, biển số: 60L-3262	chiếc	1	2.000.000	2.000.000
3	Xe mô tô hiệu Honda Win 100, biển số: 60L-3306	chiếc	1	2.000.000	2.000.000
4	Xe mô tô hiệu Honda Win 100, biển số: 60B1-0142	chiếc	1	2.000.000	2.000.000
5	Xe mô tô hiệu Honda Win 100, biển số: 60B1-0143	chiếc	1	2.000.000	2.000.000
6	Xe mô tô hiệu Honda Super Dream, biển số: 60B1-0240	chiếc	1	3.000.000	3.000.000
B	Tài sản (MMTB chuyên dùng)				80.000
1	Laser điều trị tẩy lông Model: AromaGrand Xuất xứ: Hàn Quốc	Cái	1	30.000	30.000
2	Máy Excimer Laser điều trị bệnh da Model: 308 Excimer Xuất xứ: Đức	Cái	1	50.000	50.000
C	Tài sản (Công cụ dụng cụ quản lý)				835.000
1	Hệ thống thông tin liên lạc (Loa + amply + micro)	Cái	3	20.000	60.000
2	Máy vi tính Model: Xuất xứ:	Cái	1	30.000	30.000
3	Máy vi tính BK Intel Dual Core E-4500	Cái	1	30.000	30.000
4	Bàn mổ vụn năng Trung Quốc Model: Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	1	50.000	50.000
5	Đầu ghi hình Kbvision KX-C7216H1	Cái	1	10.000	10.000
6	Hệ thống camera giám sát (7 con)	Bộ	1	5.000	5.000
7	Máy vi tính	Bộ	1	30.000	30.000
8	Bàn mổ chấn thương chỉnh hình OT-600	Cái	1	120.000	120.000
9	Máy misubishi heavy industries. LTD	Cái	1	500.000	500.000
D	Tài sản (Công cụ cụ quản lý khác)				2.829.000
1	Thang nhôm 3m	Cái	1	50.000	50.000
2	Máy cắt cỏ	Cái	1	100.000	100.000
3	Máy khoan bê tông Bosh	Cái	1	50.000	50.000
4	Màn hình vi tính LCD HP P204V 19.5	Bộ	1	10.000	10.000
5	Phần mềm hệ thống giữ xe tự động	Cái	1	hủy	-
6	Ghế hội trường hiệu Hoà Phát G04AM (70 cái)	Cái	17	5.000	85.000
7	Bàn hội trường	Cái	10	hủy	-
8	Ghế hội trường	Cái	35	5.000	175.000
9	Tủ hồ sơ sắt 1,2x0,45x1,8m	Cái	3	100.000	300.000
10	Ròng rọc nâng hàng 250kg	Cái	2	120.000	240.000
11	Am ly 203 XG	Cái	1	15.000	15.000
12	Đồng hồ oxy MYR-88 Nhật	Cái	2	5.000	10.000
13	Bàn làm việc 1,2 x 0,6 x 0,75m	Cái	1	hủy	-
14	Bàn 0kal 1,5m	Cái	1	hủy	-
15	Bàn làm việc 3 hộc (1,2m x 0,6 x 0,75)	Cái	2	hủy	-
16	Máy đo huyết áp	Bộ	2	5.000	10.000
17	Camel Inox	Cái	6	20.000	120.000
18	Xe đẩy bệnh nhân	Cái	3	30.000	90.000
19	Tủ đầu giường	Cái	5	30.000	150.000
20	Ghế Inox (ghế đầu)	Cái	10	10.000	100.000
21	Ghế lưng cao	Cái	8	10.000	80.000
22	Ghế xếp G18 Hoà Phát	Cái	19	10.000	190.000

TT	Tên tài sản	Đvt	SL	Đơn giá	Thành tiền
23	Hộp thu gom vật sắc nhọn	Cái	9	2.000	18.000
24	Ghế quây	Cái	2	10.000	20.000
25	Băng ca đẩy bệnh nhân (3 cái)	Cái	1	20.000	20.000
26	Tivi màu Sony Wega 21 in, 3 loa, giá treo	Cái	1	20.000	20.000
27	Máy điện thoại bàn 11.301	Cái	1	2.000	2.000
28	Loa điện động Er 409	Cái	3	15.000	45.000
29	Tủ sắt HS 1,9m	Cái	1	100.000	100.000
30	Máy in Canon LBP-2900	Cái	1	40.000	40.000
31	Máy lạnh Mitsubishi 12CJ	Cái	1	500.000	500.000
32	Tủ đầu giường Inox	Cái	2	30.000	60.000
33	Headphone	Cái	1	2.000	2.000
34	Hub 8 port	Cái	2	2.000	4.000
35	Hộp Tp-link 1G	Cái	1	2.000	2.000
36	Thiết bị mạng Toto link Wireless	Cái	4	2.000	8.000
37	Thiết bị mạng Toto Link Wireless Dual	Bộ	4	2.000	8.000
38	Màn chiếu TRIPOD DALTE (96"x96")	Cái	1	5.000	5.000
39	Máy in LASER CANON LBP- 1212	Cái	1	40.000	40.000
40	Bộ đàm	Bộ	2	5.000	10.000
41	Micro không dây Shure UGX-9	Cái	1	5.000	5.000
42	Bàn vi tính Hoà Phát SV202	Cái	1	hủy	-
43	Đầu ghi hình 8 kênh 5 in 1 KBVISION KX-8108H1	Bộ	1	5.000	5.000
44	Màn hình tivi 32 in Darling	Cái	2	20.000	40.000
45	Loa nén phản xạ 50W	Cái	1	5.000	5.000
46	Loa thông báo (TC-651)	bộ	1	15.000	15.000
47	Mỏ vệt	Cái	10	1.000	10.000
48	Mỏ vệt	Cái	10	1.000	10.000
49	Mỏ vệt loại trung	Cái	10	1.000	10.000
50	Hộp đựng lame inox	Cái	2	2.000	4.000
51	Vòi thí nghiệm (vòi rửa mắt cấp cứu)	Cái	1	2.000	2.000
52	Kính lúp	Cái	2	2.000	4.000
53	Kéo cắt chỉ 9cm	Cái	4	2.000	8.000
54	Kéo thẳng nhọn 17cm	Cái	5	2.000	10.000
55	Chén chum nhỏ	Cái	1	2.000	2.000
56	Máy hút đàm Medi-pump Mỹ	Cái	1	20.000	20.000
TỔNG CỘNG					29.744.000

(Bằng chữ: Hai mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng chẵn)